

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **580** /2022/HNGĐ - ST

Ngày: 18 - 5 - 2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sỹ

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Diễm M**, sinh năm 1991.

Trú tại: Lô 19, Lưu Trọng Lư, P. Đ, Tp. Q, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Trần Quốc T**, sinh năm 1991.

Trú tại: 12/18 Phùng Khắc K, Tp. Q, tỉnh B.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Diễm M trình bày:**

Về hôn nhân: Chị với anh **Trần Quốc T** quen nhau, tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại **UBND phường L, Tp. Q vào ngày 28/5/2019**. Sau khi cưới vợ chồng sống chung tại nhà bên chồng. Quá trình chung sống kể từ khi cưới cho đến

nay đã hơn 03 năm nhưng anh T sống lạnh nhạt chuyện tình cảm vợ chồng, anh T rất ít khi quan hệ vợ chồng với chị. Kể từ tháng 8 năm 2019 anh T không sinh hoạt vợ chồng với chị nữa. Chị nhiều lần nhắc nhở về chuyện sinh hoạt vợ chồng nhưng anh T không thay đổi, tiếp tục sống lạnh nhạt với chị. Cũng vì lý do này mà vợ chồng có lời qua tiếng lại rồi dần dần vợ chồng không còn tình cảm. Vợ chồng sống ly thân, chị về nhà mẹ ruột ở từ tháng 11 năm 2021 mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị với anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị.

- Bị đơn anh **Trần Quốc T**: Tòa tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng anh T không đến tham gia phiên tòa, vắng mặt không có lý do.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2022 của anh **Trần Quốc T**: Anh T thống nhất thời gian cưới, đăng ký kết hôn và nơi sinh sống sau khi kết hôn như chị M trình bày. Anh T cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hai bên thường xuyên cãi nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh có gọi điện thoại bảo chị M về sống chung nhưng chị M không đồng ý và anh yêu cầu cho thêm thời gian để động viên chị M hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh với chị M không có con chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Diễm M** xin ly hôn anh **Trần Quốc T**.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Nguyễn Thị Diễm M** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh **Trần Quốc T**, trú tại địa chỉ: 12/18 Phùng Khắc K, Tp. Q, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Q.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

- Đối với nguyên đơn: Trước khi mở phiên tòa, chị **Nguyễn Thị Diễm M** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh **Trần Quốc T** để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **T** không đến Tòa. Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **T** không có mặt tại phiên tòa, vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn **theo quy định**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Diễm M** và anh **Trần Quốc T** cưới và có đăng ký kết hôn tại **UBND phường L, Tp. Q vào ngày 28/5/2019** trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo chị M, quá trình chung sống kể từ khi cưới cho đến nay đã hơn 03 năm nhưng anh **T sống lạnh nhạt chuyện quan hệ tình cảm vợ chồng** mặc dù chị nhiều lần động viên chia sẻ với mong muốn vợ chồng được hạnh phúc hơn nhưng anh **T** không thay đổi và cũng vì lý do này mà hai bên có lời qua tiếng lại rồi dần dần không còn tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2021, chị về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không gặp, không liên lạc và mỗi người tự lo

cuộc sống riêng. Do đó, chị M yêu cầu được ly hôn anh T vì hai bên không còn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng chị M và anh T sống ly thân trong thời gian dài, cả hai không có sự quan tâm chăm sóc, **sống lạnh nhạt chuyện quan hệ tình cảm vợ chồng**, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa làm việc và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị M yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị **Nguyễn Thị Diễm M** và anh **Trần Quốc T** không có con chung nên Tòa không giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị Diễm M** không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị **Nguyễn Thị Diễm M** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Diễm M** được ly hôn anh **Trần Quốc T**.
2. Về nuôi con chung: Chị **Nguyễn Thị Diễm M** và anh **Trần Quốc T** không có con chung nên Tòa không giải quyết.
3. Về chia tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị Diễm M** không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Diễm M** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003364 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q, tỉnh B.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- UBND P. L, Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định